TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 213/2024/DS-PT Ngày: 08-4- 2024 V/v tranh chấp: "*Yêu cầu mở đường cấp thoát nước qua bất động sản liền kề*"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Mai Thị Đào Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp *"Yêu cầu mở đường cấp thoát nước qua bất động sản liền kề"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 196/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1079/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1974 (Có mặt).

2. Ông Võ Văn V, sinh năm 1971(Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn T1, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1956 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: anh Võ Văn T2, sinh năm: 1980 (Có mặt).

2. Chị Võ Thị T3, sinh năm 1984 (Xin vắng mặt).

3. Anh Võ Thanh L, sinh năm 1986 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn là ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T trình bày: Ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T đang canh tác sử dụng phần đất diện tích 10.709,8m^2, thửa 10093, thửa 1095, tờ bản đồ số 07 tại ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Liền kề thửa đất của ông V, bà T là thửa 237, tờ bản đồ số 10 do ông Võ Văn T1 đứng tên. Nguồn gốc thửa đất là của ông Võ Văn T1 sang nhượng lại cho ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy hóa giá bán. Khi sang nhượng thì có đường nước sử dụng từ trước đến nay ngang 2m, dài 100m. Ông V, bà T đã sử dụng đường nước trên đất của ông T1 từ thời điểm mua đất là năm 2013, đến năm 2019 ông V, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đường nước này hiện có 03 hộ sử dụng: Ông Võ Văn V, ông Võ Văn T1 và ông Võ Văn B. Ngoài đường nước này thì không có đường nước tưới tiêu nào khác. Đường nước này đã có gần 40 năm. Năm 2013, khi mua phần thửa trên, ông V, bà T có gặp ông Võ Văn T1 xin mua đường nước và lối đi nhưng ông T1 không đồng ý bán. Đến năm 2021, con trai ông Võ Văn T1 là anh Võ Ngọc L1 (hộ liền kề đất ông T1) thải rác trên đường nước làm tắc nghẽn dòng chảy lưu thông. Lúc đó, ông T1 không có ở nhà nên ông V, bà T yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành. Hiện nay, ông T1 không đồng ý cho mở đường nước mà chỉ cho thuê đường nước 01 năm 03 giạ/công.

Ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T có 02 thửa đất tổng diện tích là 10.709,8m^2. Đường nước này liền kề đất ruộng của ông V, bà T ra đến sông B. Tuy nhiên, gần đây ông T1 dùng cỏ, đất sang lấp làm ông V, bà T không thể sử dụng để canh tác ruộng ảnh hưởng đến sản xuất.

Ông V, bà T yêu cầu ông Võ Văn T1 phải mở đường nước có diện tích thực đo 112m^2 tại thửa 237, tờ bản đồ số 10 tại ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông V, bà T sẽ hỗ trợ giá trị đất cho ông Võ Văn T1. Đối với cây trồng trên phần đất mở đường nước, ông V, bà T đã trồng từ năm 2013 đến nay.

Bị đơn là ông Võ Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày: Ông Võ Văn T1 và bà Huỳnh Thị N canh tác thửa 237, tờ bản đồ số 10 tại ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông Võ Văn T1 và bà Huỳnh Thị N có chuyển nhượng cho bà T, ông V phần lối đi ngang 2,5m, dài 48m, giá 01 cây vàng 24k. Giáp phần đất mở lối đi là phần đất bà T, ông V xin mở đường nước. Đường nước này có khoảng 100 năm. Hiện nay, có 03 hộ sử dụng đường nước là hộ gia đình của ông T1, ông Võ Văn V và ông Võ Văn B. Ngoài đường nước này không có đường nước nào khác. Trước năm 2020, bà T,

ông V có điện thoại cho ông T1, bà N hỏi mua đường nước, ông T1, bà N cũng có dự định bán theo giá thị trường nhưng bà T, ông V không mua. Khoảng năm 2016, con của ông T1, bà N là anh Võ Ngọc L1 có yêu cầu bà T, ông V sử dụng đường nước thì phải đông lúa nhưng bà T, ông V không đồng ý nên con trai ông đã nhiều lần bỏ rác thải trên dòng nước, mục đích không cho bà T, ông V tiếp tục sử dụng đường nước.

Gia đình ông T1, bà N hiện đã hết đất nếu tính phần đất còn lại và phần đất đường nước khoảng hơn 200m^2, ông T1, bà N hiện không còn nhà để ở nên định cất nhà sàn ở trên đường nước.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông V thì ông T1, bà N không đồng ý cho mở đường nước mà chỉ đồng ý cho thuê đường nước với giá 24 giạ/năm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Võ Thị T3 trình bày: Chị là thành viên hộ gia đình của ông Võ Văn T1, bà Huỳnh Thị N. Ông Võ Văn T1, bà Huỳnh Thị N được cha mẹ cho phần đất diện tích 2.000m^2. Hiện tại, ông T1 và bà N đã cắt đất chia cho các con và thi hành theo bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật ở giai đoạn thi hành án. Phần đất ông T1, bà N còn lại theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 24/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C gồm 02 phần là:

- Phần số 1 là phần ông V, bà T yêu cầu mở đường nước có diện tích 112m^2.

- Phần đất còn lại của ông T1 giáp với ông Nguyễn Văn L2 có diện tích hơn 70m^2.

Do hộ gia đình ông T1 chỉ còn 02 phần đất này nên gia đình không đồng ý bán đường nước mà để sử dụng, canh tác. Đường nước này có 03 hộ sử dụng là hộ gia đình của ông T1, ông Võ Văn V và ông Võ Văn B. Hộ gia đình ông V đã sử dụng được 10 năm, không trả giá trị cho ông T1. Ông V tự ý múc cống không hỏi ý kiến ông T1, tự ý đóng bờ kè chống sạt lở trên mí cống. Nay, chị không đồng ý bán đường nước mà chỉ đồng ý cho thuê 24 giạ/ năm. Chị yêu cầu ông V, bà T di dời cây trồng ra khỏi phần đất tranh chấp.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 196/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 252, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, ông Võ Văn V.

1. Buộc ông Võ Văn T1 mở cho ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T đường thoát nước có diện tích thực đo 112m^2, thửa 237, tờ bản đồ số 10 tại ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đất có vị trí như sau:

- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại thửa 237, tờ bản đồ số 10 của ông Võ Văn T1.

- Hướng Nam giáp phần đất lối đi của ông Võ Văn V.

- Hướng Tây giáp đường Đ Ban Dầy. Bê tông.

- Hướng Đông giáp đất ông Phạm Văn Tây Điền E.

(Có sơ đồ kèm theo).

2. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ giá trị phần đất mở đường nước của ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T cho ông Võ Văn T1 với số tiền 26.432.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/10/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 196/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Tòa án phúc thẩm đã thu thập được chứng cứ là phần diện tích đường nước và diện tích đường đi hiện tại nên không cần thiết hủy bản án sơ thẩm. Xét nội dung bản án sơ thẩm buộc bị đơn mở lối thoát nước có diện tích 112m^2 là không phù hợp với pháp luật. Xét nội dung kháng cáo của bà N là có cơ sở một phần, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng cho nguyên đơn mở lối thoát nước ngang 1m, dài hết phần đất.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị N lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Yêu cầu mở đường cấp thoát nước qua bất động sản liền kề"* là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Huỳnh Thị N có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Bà N thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Đối với chị Võ Thị T3 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T3 theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T đang canh tác sử dụng phần đất diện tích 10.709,8m^2, thửa 10093, thửa 1095, tờ bản đồ số 07 tại ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Liền kề thửa đất của ông V, bà T là thửa 237, diện tích 261,5 m^2, tờ bản đồ số 10 do ông Võ Văn T1 đứng tên. Nguồn gốc thửa đất mà ông V, bà T đang canh tác là của ông Võ Văn T1 sang nhượng lại cho ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy hóa giá bán. Khi sang nhượng thì có đường nước sử dụng từ trước đến nay ngang 2m, dài 100m. Ông V, bà T đã sử dụng đường nước trên đất của ông T1 từ thời điểm mua đất là năm 2013, đến năm 2019 ông V, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đường nước này hiện có 03 hộ sử dụng: Ông Võ Văn V, ông Võ Văn T1 và ông Võ Văn B. Ngoài đường nước này thì không có đường nước tưới tiêu nào khác. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử sơ thẩm buộc ông Võ Văn T1 mở cho ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T đường thoát nước có diện tích thực đo 112m^2, thửa 237, tờ bản đồ số 10 tại ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì bà Huỳnh Thị N (vợ ông T1) kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm thì nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày, lối thoát nước mà nguyên đơn xin mở tại thửa đất số 237 có tổng diện tích 261,5m^2 do ông T1 đại diện hộ đứng tên, thửa đất này có 01 phần đất là lối đi do ông T1 bán cho bà T, ông V chiều ngang 2,5m; chiều dài hết thửa đất số 237, hiện lối đi này các bên tranh chấp đã được Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy thụ lý giải quyết. Tài liệu thu thập có trong hồ sơ thì Tòa án sơ thẩm không thu thập sơ đồ phần đất về lối đi các bên tranh chấp đã được Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm thì các đương sự cũng trình bày sơ

đồ lối thoát nước kèm theo bản án sơ thẩm cũng không đúng với thực tế và đề nghị Tòa án phúc thẩm dừng phiên tòa để thu thập chứng cứ.

[4] Tòa án phúc thẩm đã dừng phiên tòa để xem xét thẩm định tại chỗ: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì phần đất đất tranh chấp tại thủa đất số 237 có diện tích 261,5m^2 (đo đạc thực tế 239,5m^2). Trong phần đất này có 01 phần là đường đất có diện tích 120,5m^2 và phần còn lại là đường nước có diện tích (48,3m^2 +70,7m^2) = 119m^2 , phần đường đất 120,5m^2 ông T1 đã chuyển nhượng cho nguyên đơn (T , V) để làm đường đi vào canh tác thửa đất số 1093,và thửa 1095 có tổng diện tích 10.709,8m^2. Nguồn gốc 02 thửa đất này cũng do ông T1 chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà T- ông V. Phần đường nước còn lại thì có 03 hộ sử dụng gồm gồm bà T - ông V (nguyên đơn), hộ ông T1 (bị đơn) và hộ ông B liền kề đất bà T. Ngoài đường nước này thì bà T – ông V không còn đường nước nào khác để canh tác đất.

[5] Xét nội dung bản án sơ thẩm buộc ông T1 mở cho bà T- ông V đường nước để canh tác đất là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, diện tích nguyên đơn xin mở có chiều ngang 02m, nhưng Tòa sơ thẩm mở lối thoát nước diện tích chiều ngang 2,67 m là không phù hợp, vượt quá yêu cầu khởi kiện. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đường nước đang sử dụng thì cần buộc ông T1 phải mở cho bà T - ông V một lối thoát nước có chiều ngang 01m liền kề với phần đất ông T1 đã chuyển nhượng cho bà T – ông V làm lối đi, chiều dài từ đường bê tông đến hết phần đất của ông T1 tiếp giáp với với 10.709,8m^2 đất ruộng của bà T - ông V là phù hợp với nhu cầu sử dụng và canh tác đất của bà T, đồng thời cũng đảm bảo phần đường nước còn lại cho hộ ông B và hộ ông T1 sử dụng. Bởi lẽ, quan hệ giữa ông T1 và ông V1 là họ hàng (chú – bác họ), nguồn gốc phần đất ruộng ông V đang canh tác cần đường thoát nước là nhận chuyển nhượng từ ông T1; Đường nước hiện tại đã được gia đình ông T1 thừa nhận có trên 100 năm, do các hộ cùng sử dụng chung. Quá trình giải quyết ở tòa phúc thẩm thì bà T- ông V cũng có thiện chí mua lại toàn bộ đường nước theo giá thỏa thuận (cao hơn giá trị định giá của Tòa án sơ thẩm) đồng thời cho cả 03 hộ đang sử dụng cùng sử dụng chung đường nước nhưng ông T1 đòi giá quá cao nên các bên không thỏa thuận được.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà N, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông T1 mở lối thoát nước chiều ngang 1m tại vị trí tiếp giáp đường đi mà ông T1 đã chuyển nhượng cho bà T- ông V, chiều dài từ đường bê tông đến giáp phần đất của bà T - ông V đang canh tác theo ký hiệu S2 có diện tích 48,3m^2 theo kết quả đo đạc ngày 21/02/2024 của Công ty cổ phần T4 chi nhánh T5. Buộc bà T – ông V hoàn trả giá trị đất theo kết quả định giá sơ thẩm.

Số tiền hoàn trả giá trị đất được tính như sau: Căn cứ kết quả định giá đất của Tòa án sơ thẩm thì phần đường nước nguyên đơn xin mở có giá 236.000đồng/m^2 x 48,3m^2 = 11.398.800 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm thì bà T – ông V tự nguyện hoàn trả giá trị đất là 300.000đồng /m^2 là hoàn toàn có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận. Số tiền hoàn trả giá trị đất là 300.000đồng/m^2 x 48,3m^2 = **14.490.000 đồng.**

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Bà N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 252, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị N. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 196/2023/DS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy tỉnh tiền G .

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, ông Võ Văn V.

- Buộc ông Võ Văn T1 mở cho ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T đường thoát nước có diện tích thực đo 48,3m^2 (Ký hiệu S2), thửa 237, tờ bản đồ số 10 tại ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đất có vị trí như sau:

- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại thửa 237, tờ bản đồ số 10 của ông Võ Văn T1.

- Hướng Nam giáp phần đất lối đi của ông Võ Văn V .

- Hướng Tây giáp đường Đ Ban Dầy. Bê tông.

- Hướng Đông giáp đất ông Phạm Văn Tây Điền E.

(Có sơ đồ kèm theo).

3. Ghi nhận sự tự nguyện hoàn trả giá trị phần đất mở đường nước của ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T cho ông Võ Văn T1 với số tiền **14.490.000 đồng,** khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí :

- Bà Huỳnh Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

- Ông Võ Văn T1 bà Huỳnh Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Văn V, bà Phạm Thị T phải chịu số tiền 724.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng ông, bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001423 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp số tiền 424.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt